

Ngành	Số lượng nhà sử dụng	
	lao động năm 2016 đã khảo sát	Tỷ lệ (%)
Y đa khoa	188	70,6
Y học dự phòng	20	7,5
Răng hàm mặt	11	4,1
Dược học	18	6,7
Điều dưỡng	30	11,2
Tổng	267	100

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh

10 HIỆU TRƯỞNG


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

TT	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1.	NLĐ có khả năng vận dụng các kiến thức trong công việc	4,16	0,58
2.	NLĐ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	3,76	0,78
3.	NLĐ có khả năng giải quyết vấn đề	3,90	0,69
4.	NLĐ năng động, nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	4,07	0,70
5.	NLĐ có khả năng hoạt động hiệu quả trong các nhóm	4,09	0,66
6.	NLĐ có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	4,47	0,57
7.	NLĐ có khả năng giao tiếp hiệu quả	4,09	0,61
8.	NLĐ có khả năng phát triển nghề nghiệp	4,23	0,61
9.	NLĐ có khả năng làm việc độc lập	3,90	0,74
10.	NLĐ có tác phong làm việc tốt	4,26	0,64
11.	NLĐ có năng lực nghiên cứu (có sáng kiến cải tiến)	3,74	0,75
12.	NLĐ có năng lực học tập ở bậc cao hơn	4,29	0,65
13.	NLĐ có quan hệ tốt với đồng nghiệp	4,50	0,54
14.	NLĐ có tinh thần kỷ luật cao, tuân thủ quy định của cơ quan, Nhà nước	4,41	0,68
15.	NLĐ có năng lực ngoại ngữ	3,49	0,79
16.	NLĐ có năng lực về tin học	3,81	0,71
17.	NLĐ có khả năng thực hành tốt chuyên môn.	4,11	0,69

Ghi chú: Điểm tối đa: 5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

TT	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1.	NLĐ có khả năng vận dụng các kiến thức trong công việc	4,25	0,44
2.	NLĐ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	4,05	0,51
3.	NLĐ có khả năng giải quyết vấn đề	4,10	0,45
4.	NLĐ năng động, nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	4,45	0,61
5.	NLĐ có khả năng hoạt động hiệu quả trong các nhóm	4,25	0,55
6.	NLĐ có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	4,70	0,47
7.	NLĐ có khả năng giao tiếp hiệu quả	4,25	0,64
8.	NLĐ có khả năng phát triển nghề nghiệp	4,45	0,61
9.	NLĐ có khả năng làm việc độc lập	4,10	0,45
10.	NLĐ có tác phong làm việc tốt	4,40	0,60
11.	NLĐ có năng lực nghiên cứu (có sáng kiến cải tiến)	4,00	0,56
12.	NLĐ có năng lực học tập ở bậc cao hơn	4,47	0,61
13.	NLĐ có quan hệ tốt với đồng nghiệp	4,60	0,60
14.	NLĐ có tinh thần kỷ luật cao, tuân thủ quy định của cơ quan, Nhà nước	4,65	0,59
15.	NLĐ có năng lực ngoại ngữ	3,95	0,61
16.	NLĐ có năng lực về tin học	4,20	0,62
17.	NLĐ có khả năng thực hành tốt chuyên môn.	4,45	0,51

Ghi chú: Điểm tối đa: 5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

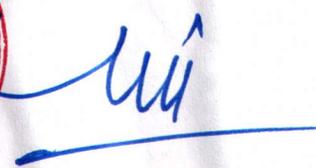
Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



10 HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

TT	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1.	NLĐ có khả năng vận dụng các kiến thức trong công việc	4,45	0,52
2.	NLĐ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	4,18	0,41
3.	NLĐ có khả năng giải quyết vấn đề	4,18	0,41
4.	NLĐ năng động, nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	4,27	0,79
5.	NLĐ có khả năng hoạt động hiệu quả trong các nhóm	4,36	0,51
6.	NLĐ có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	4,73	0,47
7.	NLĐ có khả năng giao tiếp hiệu quả	4,18	0,75
8.	NLĐ có khả năng phát triển nghề nghiệp	4,80	0,42
9.	NLĐ có khả năng làm việc độc lập	4,45	0,69
10.	NLĐ có tác phong làm việc tốt	4,50	0,71
11.	NLĐ có năng lực nghiên cứu (có sáng kiến cải tiến)	4,18	0,75
12.	NLĐ có năng lực học tập ở bậc cao hơn	4,73	0,47
13.	NLĐ có quan hệ tốt với đồng nghiệp	4,55	0,69
14.	NLĐ có tinh thần kỷ luật cao, tuân thủ quy định của cơ quan, Nhà nước	4,55	0,69
15.	NLĐ có năng lực ngoại ngữ	3,82	0,87
16.	NLĐ có năng lực về tin học	4,09	0,83
17.	NLĐ có khả năng thực hành tốt chuyên môn.	4,45	0,52

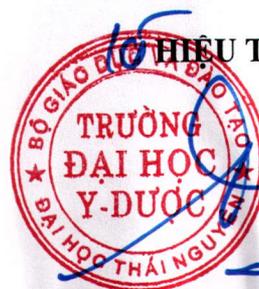
Ghi chú: Điểm tối đa: 5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

TT	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1.	NLĐ có khả năng vận dụng các kiến thức trong công việc	3,67	0,69
2.	NLĐ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	3,50	0,71
3.	NLĐ có khả năng giải quyết vấn đề	3,67	0,49
4.	NLĐ năng động, nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	3,67	0,77
5.	NLĐ có khả năng hoạt động hiệu quả trong các nhóm	3,67	0,49
6.	NLĐ có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	4,11	0,58
7.	NLĐ có khả năng giao tiếp hiệu quả	3,61	0,50
8.	NLĐ có khả năng phát triển nghề nghiệp	3,61	0,70
9.	NLĐ có khả năng làm việc độc lập	3,39	0,78
10.	NLĐ có tác phong làm việc tốt	3,94	0,73
11.	NLĐ có năng lực nghiên cứu (có sáng kiến cải tiến)	3,22	0,65
12.	NLĐ có năng lực học tập ở bậc cao hơn	3,67	0,91
13.	NLĐ có quan hệ tốt với đồng nghiệp	4,28	0,58
14.	NLĐ có tinh thần kỷ luật cao, tuân thủ quy định của cơ quan, Nhà nước	4,06	0,73
15.	NLĐ có năng lực ngoại ngữ	3,33	1,09
16.	NLĐ có năng lực về tin học	3,44	0,86
17.	NLĐ có khả năng thực hành tốt chuyên môn.	3,56	0,86

Ghi chú: Điểm tối đa: 5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

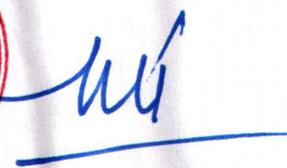
Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

TT	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1.	NLĐ có khả năng vận dụng các kiến thức trong công việc	3,90	0,89
2.	NLĐ có khả năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc	3,70	0,79
3.	NLĐ có khả năng giải quyết vấn đề	3,87	0,86
4.	NLĐ năng động, nhạy bén với môi trường làm việc thay đổi	4,20	0,89
5.	NLĐ có khả năng hoạt động hiệu quả trong các nhóm	4,13	0,78
6.	NLĐ có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp	4,23	0,73
7.	NLĐ có khả năng giao tiếp hiệu quả	4,13	0,86
8.	NLĐ có khả năng phát triển nghề nghiệp	4,00	0,70
9.	NLĐ có khả năng làm việc độc lập	3,90	0,89
10.	NLĐ có tác phong làm việc tốt	4,21	0,94
11.	NLĐ có năng lực nghiên cứu (có sáng kiến cải tiến)	3,60	0,89
12.	NLĐ có năng lực học tập ở bậc cao hơn	4,07	0,79
13.	NLĐ có quan hệ tốt với đồng nghiệp	4,50	0,73
14.	NLĐ có tinh thần kỷ luật cao, tuân thủ quy định của cơ quan, Nhà nước	4,40	0,72
15.	NLĐ có năng lực ngoại ngữ	3,43	0,82
16.	NLĐ có năng lực về tin học	3,67	0,71
17.	NLĐ có khả năng thực hành tốt chuyên môn.	4,00	0,83

Ghi chú: Điểm tối đa: 5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

Ngành	Điểm đánh giá trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)
Y đa khoa	4,49	89,8
Y học dự phòng	4,55	91,0
Răng hàm mặt	4,82	96,4
Dược học	4,06	81,2
Điều dưỡng	4,27	85,4
Chung	4,45	89,0

Ghi chú: Điểm tối đa: 5; Tỷ lệ hài lòng = (Điểm trung bình*100)/5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

Ngành	Điểm đánh giá trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)
Y đa khoa	4,48	89,6
Y học dự phòng	4,55	91,0
Răng hàm mặt	4,64	92,8
Dược học	4,00	80,0
Điều dưỡng	4,27	85,4
Chung	4,44	88,8

Ghi chú: Điểm tối đa: 5; Tỷ lệ hài lòng = (Điểm trung bình*100)/5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

**Biểu 9: SỰ HÀI LÒNG
CỦA NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA
CỰU SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
NĂM 2016**

Ngành	Điểm đánh giá trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)
Y đa khoa	4,12	82,4
Y học dự phòng	4,30	86,0
Răng hàm mặt	4,27	85,4
Dược học	3,61	72,2
Điều dưỡng	4,10	82,0
Chung	4,11	82,2

Ghi chú: Điểm tối đa: 5; Tỷ lệ hài lòng = (Điểm trung bình*100)/5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

**Biểu 10: SỰ HÀI LÒNG CỦA NHÀ SỬ DỤNG
LAO ĐỘNG VỀ ÁP DỤNG KIẾN THỨC
TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
CỦA CỰU SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
NĂM 2016**

Ngành	Điểm đánh giá trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)
Y đa khoa	4,05	81,0
Y học dự phòng	4,25	85,0
Răng hàm mặt	4,36	87,2
Dược học	3,61	72,2
Điều dưỡng	3,83	76,6
Chung	4,03	80,6

Ghi chú: Điểm tối đa: 5; Tỷ lệ hài lòng = (Điểm trung bình*100)/5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý

Ngành	Điểm đánh giá trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)
Y đa khoa	4,17	83,4
Y học dự phòng	4,40	88,0
Răng hàm mặt	4,73	94,6
Dược học	3,67	73,4
Điều dưỡng	3,83	76,6
Chung	4,14	82,8

Ghi chú: Điểm tối đa: 5; Tỷ lệ hài lòng = (Điểm trung bình*100)/5.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Trưởng phòng
Khảo thí & ĐBCLGD



Nguyễn Quang Mạnh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Đức Quý